

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS – ST

Ngày: 10/6/2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kim Sa Pha**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư**
2. Ông **Nguyễn Văn Hùng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Kim Thị Cẩm Hường** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST – DS ngày 02/01/2020; Về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST – DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST – DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh M, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp H, thị trấn N, huyện CT, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Việt T, sinh năm 1992. Địa chỉ: số 184, ấp A, xã H, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2019, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Minh M trình bày ý kiến: Anh M với bị đơn chị Nguyễn Việt T là bạn bè với nhau. Từ đầu năm 2018, thì chị T gặp hoàn cảnh khó khăn nên đã nhiều lần hỏi mượn tiền của anh M, nên anh M đã cho chị T mượn tiền nhiều lần, với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Việc cho chị T mượn tiền bằng hình thức chuyển vào số tài khoản thẻ ATM của chị T, Ngân hàng Vietcombank số 0321000668881 và tài khoản thẻ ATM, Ngân hàng Agribank số 7600205586972 và dịch vụ chuyển tiền Viettel. Sau đó, anh M đã nhiều lần yêu cầu chị T trả số tiền 20.000.000 đồng đã cho

mượn nhưng chị T không trả và cố tình né tránh anh. Nên anh M khởi kiện chị Nguyễn Việt T ra Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, yêu cầu Tòa án xem xét buộc chị T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, chị T không thừa nhận vay tiền của anh M, cũng như anh không còn lưu giữ chứng từ Ngân hàng chuyển tiền cho chị T mượn, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 20.000.000 đồng, anh chỉ có bản sao kê chuyển tiền của Ngân hàng Vietcombank thể hiện nội dung chuyển tiền vào số tài khoản thẻ ATM 0321000668881 của chị T với số tiền là 6.200.000 đồng, nên tại phiên tòa hôm nay anh M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn tương ứng với số tiền 13.800.000 đồng, yêu cầu bị đơn chị T thanh toán số tiền 6.200.000 đồng.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2020, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Nguyễn Việt T trình bày ý kiến:* Gia đình chị T có người em bị bệnh hiểm nghèo, gặp nhiều khó khăn nên chị có đăng thông tin hoàn cảnh của em mình lên mạng xã hội để vận động các nhà hảo tâm hỗ trợ. Còn anh M với chị quen biết qua mạng xã hội Zalo, nên anh M biết hoàn cảnh gia đình chị khó khăn, đã chuyển tiền cho em chị điều trị bệnh, việc hỗ trợ tiền mỗi lần từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, anh M hỗ trợ tiền nhiều lần nhưng chị không nhớ cụ thể bao nhiêu và hỗ trợ tiền bằng hình thức chuyển khoản qua thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank số 0321000668881 của chị. Chị T xác định không có vay, mượn số tiền 20.000.000 đồng của anh M. Vì vậy, chị T không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của anh M.

**Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng đối với bị đơn chị Nguyễn Việt T không chấp hành theo giấy triệu tập tham gia phiên tòa, vắng mặt tại phiên tòa là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh M đối với bị đơn chị Nguyễn Việt T về việc yêu cầu thanh toán tiền vay tương ứng với số tiền anh M đã chuyển vào tài khoản của chị T là 6.200.000 đồng và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Việt T. Xét thấy, bị đơn chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Nguyễn Việt T theo quy định.

[1.2] Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Minh M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn chị Nguyễn Việt T tương ứng với số tiền là 13.800.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 6.200.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Minh M với bị đơn chị Nguyễn Việt T là bạn bè, quen biết với nhau qua mạng xã hội. Theo ý kiến trình bày của nguyên đơn anh M là vào năm 2018 đã nhiều lần chuyển khoản ngân hàng qua thẻ ATM cho chị T mượn số tiền 20.000.000 đồng, còn bị đơn chị T cho rằng không có vay, mượn số tiền 20.000.000 đồng của anh M, số tiền mà anh M chuyển nhiều lần vào tài khoản thẻ ATM của chị là số tiền anh M hỗ trợ cho em của chị bị bệnh hiểm nghèo thông qua việc chị kêu gọi mạnh thường quân, nhưng mỗi lần anh M chuyển tiền hỗ trợ từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nên chị T không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của anh M. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Nguyên đơn anh M khởi kiện cho rằng vào năm 2018 chuyển khoản qua thẻ ATM cho bị đơn mượn nhiều lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, còn bị đơn chị T không thừa nhận mượn, vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh M đã cung cấp cho Tòa án bản sao kê tài khoản ngày 02/10/2019 tên tài khoản Nguyễn Minh M, số tài khoản 0481000692388 thể hiện nội dung chuyển tiền qua tài khoản thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank số 0321000668881 của chị Nguyễn Việt T (Bút lục số 05, 06) và tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2020 bị đơn chị T thừa nhận số tài khoản ATM 0321000668881 của Ngân hàng Vietcombank là của chị. Tuy nhiên, qua bản sao kê của anh M cung cấp chỉ thể hiện anh M chuyển khoản cho chị T 02 lần vào ngày 06/9/2018, lần 01 chuyển số tiền 703.300 đồng (phí chuyển 3.300 đồng) và lần 02 chuyển số tiền 5.503.300 đồng (phí chuyển 3.300 đồng). Tòa án đã ra thông báo cung cấp chứng cứ số 01/TB – CCCC ngày 06/02/2020, yêu cầu anh M cung cấp các chứng từ thể hiện việc chuyển số tiền qua tài khoản ngân hàng cho chị T mượn để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nhưng anh M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác ngoài bản sao kê nêu trên nên phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh không đầy đủ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn anh M đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn tương ứng số tiền 13.800.000 đồng mà nguyên đơn không có chứng từ Ngân hàng để chứng minh có việc chuyển số tiền 13.800.000 đồng vào tài khoản thẻ ATM cho chị T vay và được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán số tiền 6.200.000 đồng có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã chuyển số tiền này vào tài khoản ATM của bị đơn đã nhận là có căn cứ Hội đồng xét xử xem xét.

[2.2] Xét lời trình bày của bị đơn thì thấy: Chị T cho rằng số tiền anh M chuyển qua tài khoản ATM của chị là số tiền anh M cho em của chị nhưng chị T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, nên phải chịu trách nhiệm thanh toán về số tiền 6.200.000 đồng đã nhận chuyển vào tài khoản. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định nguyên đơn anh M có chuyển số tiền tổng cộng là 6.200.000 đồng vào tài khoản ATM ngân hàng Vietcombank số 0321000668881 của chị T. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh M, buộc bị đơn chị T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 6.200.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[3.1] Nguyên đơn anh Nguyễn Minh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3.2] Bị đơn chị Nguyễn Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận số tiền là 310.000 đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 469 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh M đối với bị đơn chị Nguyễn Việt T về việc yêu cầu thanh toán số tiền vay.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện tương ứng số tiền là 13.800.000 đồng.

3. Buộc bị đơn chị Nguyễn Việt T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn anh Nguyễn Minh M số tiền 6.200.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn anh Nguyễn Minh M có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chị Nguyễn Việt T chậm

thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Nguyên đơn anh Nguyễn Minh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng theo biên lai thu số 0001235 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

4.2 Bị đơn chị Nguyễn Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 310.000 đồng.

5. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn chị Nguyễn Việt T thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha